



Số: 042/25/PKQ-QTKG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

Ngày: 19/3/2025

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải, N3 (043D/NT/IV-24)
- Ngày lấy mẫu : 07/3/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa, chai thủy tinh và được bảo quản theo HD11
- Nơi yêu cầu lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG – NHÀ MÁY THANH LỘC
- Huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
- Địa điểm lấy mẫu : Mẫu nước thải sau xử lý tại vị trí thải vào nguồn tiếp nhận - Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Kiên Hùng, công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm" - Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Thanh Lộc - Lô B4-B5, khu công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (X:1104 187; Y:0569 074).
- Thử nghiệm tại hiện trường : Không ☐; Có ☒
- Thời gian thử nghiệm : Từ 07/3/2025 đến 12/3/2025
- Lấy mẫu : Không ☐; Có ☒
- Lưu mẫu : Không ☒; Có ☐ đến ngày:
- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 11-MT:2015/BT NMT (Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_r = 1,1$)
1	pH (25°C) ⁽¹⁾	-	TCVN 6492 : 2011 ^(*)	7,10	6 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	5,0	29,7
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	16	74,25
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	21	49,5
5	Amoni	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B& F: 2023 ^(*)	0,39	9,9
6	Nitơ tổng	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOQ=9,0)	29,7
7	Photpho tổng	mg/L	SMEWW 4500 P.B&E:2023 ^(*)	0,43	9,9



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: D11 Khu vực 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 0297.3918677 – 3503680; Fax: 0297.3918677



VILAS 384

Số: 042/25/PKQ-QTKG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

Ngày: 19/3/2025

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 11- MT:2015/BT NMT (Cột A, K _q = 0,9 và K _r = 1,1)
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,67	0,99
9	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	930	3.000
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOQ=4,5)	9,9

Ghi chú: (*): Được công nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Mã hiệu Vilas 384).

–: Không áp dụng; (1): Chỉ tiêu đo trực tiếp tại hiện trường; KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
QCVN 11-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến chế biến thủy sản;
HD11: Hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu nước thải.

PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(QA/QC)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đạt

Trần Quốc Bình

1- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.